

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2024/HS-ST

Ngày 25 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống, ông Đoàn Văn Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 407/2024/TLST-HS ngày 28/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2024/QĐXXST-HS ngày 12/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Duy T**, sinh ngày 15/8/1987 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số nhà 32/3 đường L, Tổ dân phố 01, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đ, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1991; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không.

Tiền sự: 01, tại Quyết định số 5504/QĐ-XPHC ngày 03/8/2021, Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đối với bị cáo, hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay (có mặt).

*** Bị hại:** Công ty TNHH MTV T - Chi nhánh Tây Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc.

Địa chỉ: Lô 6, đường số 5, Cụm công nghiệp T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Quỳnh M (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 12/2 T, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 32/3 L, TDP 1, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) T - Chi nhánh Tây Nguyên, địa chỉ: Lô 6, đường số 5, cụm công nghiệp T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Công ty T) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số doanh nghiệp 0313617136, đăng ký lần đầu ngày 04/5/2018, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Công ty T đăng ký địa điểm kinh doanh tại địa chỉ: Số 117 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đăng ký lần đầu vào ngày 15/6/2023, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp (viết tắt là Bru cục X), tên thương hiệu là “Y”.

Ngày 27/8/2023, Công ty T ký Hợp đồng lao động với Võ Duy T, sinh ngày 15/8/1987, trú tại: Số 32/3, đường L, Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Hợp đồng số 01278282-23/HĐLĐ, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 27/8/2023 đến ngày 26/8/2024, với mức phí cơ bản là 3.640.000 đồng/tháng, chức vụ: Nhân viên shipper (nhân viên giao nhận hàng), công việc phải làm là: Tìm kiếm khách hàng, giao nhận, xử lý, phân hàng, đóng gói, vận chuyển sản phẩm. Trong ngày làm việc thay mặt công ty nhận các khoản cước, phí và chi phí phát sinh khác từ khách hàng và giao đầy đủ lại cho Công ty vào cuối ca làm việc trong ngày.

Trong quá trình thực hiện công việc được phân công từ ngày 14/01/2024 đến ngày 19/01/2024, Võ Duy T đã nhận các đơn hàng từ Công ty TNHH MTV T - Chi nhánh Tây Nguyên, tại Bru cục X (được xác nhận trên App ứng dụng Z, để giao 63 đơn hàng cho khách hàng, thu tiền thu hộ bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc nhận chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng TMCP Q, chủ tài khoản: VO DUY T, số tài khoản: 0833081234, với tổng số tiền 35.831.304 đồng. Sau khi nhận tiền thu hộ từ khách hàng, T đã chiếm đoạt để sử dụng tiêu xài cá nhân. Nhằm che giấu hành vi chiếm đoạt tiền thu hộ không bị phát hiện, T đã thực hiện các thao tác “Người mua hẹn lại ngày nhận”, “Khách đến bru cục nhận hàng”, “Khách từ chối nhận hàng, từ chối trả phí” trên App ứng dụng Z để hàng tồn kho trong nhiều ngày. Ngày 20/01/2024, Công ty T phát hiện và yêu cầu T trả lại số tiền đã chiếm đoạt, nhưng T không trả nên Công ty T đã tố cáo hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

** Ngày 14/01/2024, giao 02 đơn hàng, thu tiền thu hộ 7.900.000 đồng, cụ thể: 02 đơn hàng có mã vận đơn 842515966380 với số tiền thu hộ là 4.000.000 đồng và mã vận đơn 842515835017 với số tiền thu hộ là 3.900.000 đồng, giao cho anh Tống Minh T, sinh năm 1987, trú tại: 22 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.*

** Ngày 17/01/2024, giao 03 đơn hàng, thu tiền thu hộ 4.682.800 đồng, cụ thể:*

- 01 đơn hàng có mã vận đơn JMV7MRYC355 giao cho chị Nguyễn Thị Dạ T, sinh năm 1984, trú tại: 10/7 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.540.000 đồng.

- 01 đơn hàng có mã vận đơn 842515887082 giao cho anh Nguyễn Triệu P, sinh năm 1986, trú tại: 21 Nguyễn Đình C, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.700.000 đồng.

- 01 đơn hàng có mã vận đơn 856539678724, giao cho chị Ngô Thị Bảo T, sinh năm 1978, trú tại: 101/9 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.442.800 đồng.

** Ngày 18/01/2024, giao 01 đơn hàng, thu tiền thu hộ 1.219.300 đồng, cụ thể:*
Đơn hàng có mã vận đơn 856535819021, giao cho chị Ngô Thị Bảo T, sinh năm 1978, trú tại: 101/9 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

** Ngày 19/01/2024, giao 53 đơn hàng (trong đó, 52 đơn hàng thu tiền thu hộ 19.781.204 đồng vào ngày 19/01/2024, 01 đơn hàng thu tiền thu hộ 380.000 đồng vào ngày 22/01/2024), cụ thể:*

- 02 đơn hàng có mã vận đơn 856530682848 với số tiền thu hộ là 304.000 đồng và mã vận đơn 812200591723 với số tiền thu hộ là 1.341.640 đồng giao cho chị Bùi Thị T, sinh năm 1996, trú tại: 147/20/1 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.645.640 đồng.

- 02 đơn hàng có mã vận đơn 842516482731 với số tiền thu hộ là 285.000 đồng và mã vận đơn 842515097603 với số tiền thu hộ là 1.728.000 đồng giao cho chị Văn Thị H, sinh năm 1983, trú tại: 48 Y, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 2.013.000 đồng.

1. Đơn hàng có mã vận đơn 856530870127 giao cho anh Võ Thành Đ, sinh năm 2002, trú tại: 50 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 169.554 đồng.

2. Đơn hàng có mã vận đơn 856539051259 giao cho anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2006, trú tại: 188/1 A, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 154.400 đồng.

3. Đơn hàng có mã vận đơn 856531391331 giao cho anh Đinh Văn D, sinh năm 1998, trú tại: 54/36/7 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ giao hàng: 188 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 375.000 đồng.

4. Đơn hàng có mã vận đơn 857001879874 giao cho anh Hoàng Thân T, sinh năm 2003, trú tại: 11/6 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 47.586 đồng.

5. Đơn hàng có mã vận đơn 856532346218 giao cho H' M Niê, sinh năm 2005, trú tại: Hẻm 80 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 126.680 đồng.

6. Đơn hàng có mã vận đơn 802432199398 giao cho chị Võ Thị K, sinh năm 1971, trú tại: 115/5B A, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 207.000 đồng.

7. Đơn hàng có mã vận đơn 856532443748 giao cho chị H' H Aliô, sinh năm 1991, trú tại 43/16/4 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 159.999 đồng.

8. Đơn hàng có mã vận đơn 802433972461 giao cho chị Võ Thị Thu P, sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố 7, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ giao hàng:

43/2 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 200.000 đồng.

9. Đơn hàng có mã vận đơn 856534860849 giao cho chị Nguyễn Thị C (tên gọi khác: Nguyễn Thị L), sinh năm 1975, trú tại: 141/11 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 148.000 đồng.

10. Đơn hàng có mã vận đơn 856522658085 giao cho anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1997, trú tại: 157/17 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 140.708 đồng.

11. Đơn hàng có mã vận đơn 856532826232 giao cho chị Trương Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1997, trú tại: 147/17 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 239.200 đồng.

12. Đơn hàng có mã vận đơn 802434183820 giao cho chị H' N Niê, sinh năm 1988, trú tại: Buôn K, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ giao hàng: Hẻm 100/4 A, phường T, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 255.000 đồng.

13. Đơn hàng có mã vận đơn 802434267458 giao cho chị Lê Thị Thanh L, sinh năm 1999, trú tại: 73/7 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 159.000 đồng.

14. Đơn hàng có mã vận đơn JNTMP0021459893VNA giao cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, trú tại: 42/14/4 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 421.850 đồng.

15. Đơn hàng có mã vận đơn 856538580155 giao cho chị Trần Thị Hiếu N, sinh năm 2001, nơi cư trú: Buôn A, phường E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ giao hàng: 07 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 147.000 đồng.

16. Đơn hàng có mã vận đơn 856538975212 giao cho chị Lê Thị Hồng Â, sinh năm 1991, trú tại: 50/1 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 168.000 đồng.

17. Đơn hàng có mã vận đơn 856536847940 giao cho chị Hoàng Thị Kim H, sinh năm 1993, trú tại: 11/3/15 Ama Sa, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 99.000 đồng.

18. Đơn hàng có mã vận đơn 842516212864 giao cho anh Phạm Thanh N, sinh năm 1994, trú tại: 141 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 660.000 đồng.

19. Đơn hàng có mã vận đơn 856530521025 giao cho chị H' D Niê, sinh năm 1986, trú tại: Hẻm 80 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 234.700 đồng.

20. Đơn hàng có mã vận đơn 856538575556 giao cho anh Lê Võ Tuấn Đ, sinh năm 2004, trú tại: 139/7 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 652.300 đồng.

21. Đơn hàng có mã vận đơn 856532153559 giao cho Mai Thị T, sinh năm 1993, trú tại: 11/3/22/4 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 399.900 đồng.

22. Đơn hàng có mã vận đơn 856536257030 giao cho chị Nguyễn Lê N, sinh năm 2002, trú tại: 59 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 135.000 đồng.

23. Đơn hàng có mã vận đơn 856536612638 giao cho chị Phạm Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982, trú tại: 122/11 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 134.000 đồng.

24. Đơn hàng có mã vận đơn 856534180410 giao cho chị Bùi Thị Phương T, sinh năm 2001, trú tại: 149/9A A, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 119.000 đồng.

25. Đơn hàng có mã vận đơn 802433552214 giao cho chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1998, trú tại: 101/13 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 189.000 đồng.

26. Đơn hàng có mã vận đơn 856538465811 giao cho chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1993, trú tại 74 A Mí Đuan, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 193.000 đồng.

27. Đơn hàng có mã vận đơn 856537396428 giao cho anh Bùi Đại T, sinh năm 1996, trú tại Hẻm 139 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 284.000 đồng.

28. Đơn hàng có mã vận đơn 856533550935 giao cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, trú tại: 118 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.475.000 đồng.

29. Đơn hàng có mã vận đơn 856539885621 giao cho chị Lê Trần Thuý H, sinh năm 1991, trú tại: 149/9 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 723.000 đồng.

30. Đơn hàng có mã vận đơn 857002917080 giao cho chị Trần Thị Kim K, sinh năm 1996, trú tại: Hẻm 10/21 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 29.888 đồng.

31. Đơn hàng có mã vận đơn 856528220893 giao cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994, trú tại: 27 T, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 406.900 đồng.

32. Đơn hàng có mã vận đơn 856535293202, giao cho chị Lê Thị Khanh T, sinh năm 1977, trú tại: 11/18 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 299.999 đồng.

33. Đơn hàng có mã vận đơn 802433879263 giao cho chị Đỗ Thị Anh T, sinh năm 1985, trú tại: 62 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 854.000 đồng.

34. Đơn hàng có mã vận đơn 842516586716 giao cho chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1994, nơi cư trú: 222 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ giao hàng: 117 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Salon Trịnh T), thu tiền thu hộ 300.000 đồng.

35. Đơn hàng có mã vận đơn 856530276046 giao cho Phạm Anh C, sinh

năm 1983, trú tại: 264/15 A, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 90.500 đồng.

36. Đơn hàng có mã vận đơn 802433058607 giao cho Nguyễn Đắc Huyền S, sinh năm 1992, trú tại: 157/3 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 305.000 đồng.

37. Đơn hàng có mã vận đơn 802433234529 giao cho bà Phạm Thị Hải B, sinh năm 1969, trú tại: 264/16 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ là 292.000 đồng.

38. Đơn hàng có mã vận đơn 842516484157 giao cho chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1983, trú tại: 43 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.200.000 đồng.

39. Đơn hàng có mã vận đơn 802433298504 giao cho chị Trần Nữ Duyên A, sinh năm 1995, trú tại: 114 A, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 264.000 đồng.

40. Đơn hàng có mã vận đơn 842516340088 giao cho chị Dương Phương T, sinh năm 1985, trú tại: 101/6 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 280.000 đồng.

41. Đơn hàng có mã vận đơn 842516481460 giao cho chị Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1985, trú tại 16 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 725.000 đồng.

42. Đơn hàng có mã vận đơn 802433407562 giao cho chị Trần Thị H, sinh năm 1976, trú tại 20 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 200.000 đồng.

43. Đơn hàng có mã vận đơn 856536831546 giao cho ông Trần Tấn T, sinh năm 1958, ở tại 02C A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 98.600 đồng.

44. Đơn hàng có mã vận đơn 802433375260 giao cho chị H' N Niê, sinh năm 1998, trú tại 117/13 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 1.122.000 đồng.

45. Đơn hàng có mã vận đơn 802433848774 giao cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, trú tại 268/4 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 506.000 đồng.

46. Đơn hàng có mã vận đơn 856535665744 giao cho chị Ngô Thị Bảo T, sinh năm 1978, trú tại 101/9 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 233.200 đồng.

47. Đơn hàng có mã vận đơn 856530783635 giao cho chị H' L Êban, sinh năm 1999 trú tại hẻm 117 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền thu hộ: 98.600 đồng.

48. 01 đơn hàng có mã vận đơn 842516551583 cho chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1998 trú tại: 28 T, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền thu hộ 400.000 đồng.

49. Đơn hàng có mã vận đơn 856528167791 giao cho chị Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1983, trú tại: 10/1B N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ

380.000 đồng vào ngày 22/01/2024.

** 04 đơn chưa xác định được ngày giao hàng, thu tiền thu hộ 1.868.000 đồng, cụ thể:*

1. Từ ngày 18/01/2024 đến ngày 19/01/2024, 01 đơn hàng có mã vận đơn 802433205833 giao cho chị Trần Phương Hương G, sinh năm 1980, trú tại: 01 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 120.000 đồng.

2. Từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, 01 đơn hàng có mã vận đơn 802432853419 giao cho bà Vũ Thị T, sinh năm 1954, trú tại: 31 Y, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 470.000 đồng.

3. Từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, 01 đơn hàng có mã vận đơn 802431826338 giao cho bà Phạm Thị Hải B, sinh năm 1969, trú tại: 264/16 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ là 628.000 đồng.

4. Từ ngày 18/01/2024 đến ngày 19/01/2024, 01 đơn hàng có mã vận đơn 842515991903 giao cho Võ Mai Đ, sinh năm 1974, trú tại: 264/5 A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ 650.000 đồng.

Tổng số tiền T thu hộ và chiếm đoạt là 35.831.304 đồng.

Trong quá trình điều tra, bà Ngô Thị Lệ T (mẹ của bị cáo T) đã thay mặt bị cáo nộp số tiền 24.973.000 đồng, để khắc phục hậu quả cho bị hại. Công ty T sau khi nhận số tiền nêu trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 413/CT-VKS-HS ngày 27/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Võ Duy T về tội “*Tham ô tài sản*”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Trong quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Võ Duy T phạm tội “*Tham ô tài sản*”:

- *Về hình phạt:* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Võ Duy T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- *Về biện pháp tư pháp:* Ghi nhận việc bị cáo Võ Duy T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 24.973.000 đồng; ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Võ Duy T làm nhân viên của Công ty T, thực hiện công việc được giao là tìm kiếm khách hàng, giao nhận, xử lý, phân hàng, đóng gói, vận chuyển sản phẩm, theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động số 01278282-23/HĐLD ngày 27/8/2023 đã ký với Công ty T; bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thu và quản lý tiền thu hộ rồi nộp về bưu cục vào cuối ngày, trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2024 đến ngày 19/01/2024, Võ Duy T đã nhận 63 đơn hàng từ Công ty T (được xác nhận trên App ứng dụng Z) để giao cho khách hàng và thu hộ, T đã chiếm đoạt vào ngày 14/01/2024 với số tiền là 7.900.000 đồng, ngày 17/01/2024 số tiền 4.682.800 đồng, ngày 18/01/2024 số tiền 1.219.300 đồng, ngày 19/01/2024 với số tiền là 19.781.204 đồng (cùng 01 đơn hàng 380.000 đồng nhưng đến ngày 22/01/2024 mới thu tiền) và 04 đơn chưa xác định được ngày giao hàng thu tiền thu hộ 1.868.000 đồng. Tổng số tiền mà Võ Duy T đã chiếm đoạt là 35.831.304 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến uy tín, tính đúng đắn, liêm chính trong công tác, nhiệm vụ quản lý tài sản, vừa xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Võ Duy T đã cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Điều 353 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên”.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 24.973.000 đồng. Công ty T không yêu cầu Võ Duy T bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Duy T phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Võ Duy T**: 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2024.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Võ Duy T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 24.973.000 đồng; ghi nhận việc Công ty TNHH MTV T - Chi nhánh Tây Nguyên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

[3] Về án phí: Bị cáo Võ Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thanh Tùng**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.